**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN: 6**

**THỜI GIAN: 45 PHÚT**

| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng****% điểm** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc**  | Truyện cổ tích | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **50** |
| **2** | **Viết** | Viết văn tự sự |  |  |  |  |  |  |  | Viết một bài văn đóng vai nhân vật kể lại câu chuyện | 50 |
| **Số câu** |  | ***1*** |  | ***1*** |  | ***1*** |  | ***1*** | **100** |
| **Tổng** |  |  |  |  |
| **Tỉ lệ %** | **50%** | **50%** |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN- LỚP 6**

|  | **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
|  | **1** | **Đọc hiểu** | Truyện cổ tích | **Nhận biết:** - Nhận biết được những dấu hiệu đặc trưng của thể loại truyện cổ tích; chi tiết tiêu biểu, nhân vật.- Nhận biết được ngôi kể.**Thông hiểu:**- Lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu.- Hiểu được đặc điểm nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động.- Xác định được biện pháp tu từ trong đoạn trích.- Xác định được nghĩa của từ- Cấu tạo của cụm từ- Nêu được chủ đề của văn bản**Vận dụng**: - Trình bày được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử từ văn bản gợi ra.  | 3 TN | 5TN | 1TL |  |
|  | **2** | **Viết** |  | **Nhận biết:**  Nhận biết được yêu cầu của đề về kiểu bài tự sự**Thông hiểu:**  Viết đúng về nội dung, về hình thức (từ ngữ, diễn đạt, bố cục của câu chuyện) **Vận dụng:**- Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu.- Viết được bài văn đóng vai nhân vật kể lại câu chuyện**Vận dụng cao:** Viết một bài văn đóng vai nhân vật kể lại câu chuyện | 1 | 1 | 1 | 1TL |
|  | **Tổng số**  | **3 TN** | **5TN** | **1 TL** | **1 TL** |
|  | **Tỉ lệ %** | **20** | **30** | **40** | **10** |
| **Tỉ lệ chung** | **50%** | **50%** |

**\* Ghi chú:** Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ. Các cấp độ được thể hiện trong Hướng dẫn chấm.

| **PHÒNG GD & ĐT THẠCH THẤT****TRƯỜNG THCS TIẾN XUÂN** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II****Năm học: 2022 - 2023****Môn:** **Ngữ Văn 6***(Thời gian làm bài: 90 phút)* |
| --- | --- |

Họ và tên:………………………………….Lớp:……………………

| Điểm | Lời phê của thầy cô giáo |
| --- | --- |

**Câu hỏi**

**PHẦN I. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN (5,0 điểm)**

**Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi** :

 *Tự nhiên, một hôm có một đàn chim lớn bay từ phương tây lại, đậu đen ngòm cả một bãi cát (1). Rồi chúng bay đến trước mặt hai vợ chồng kêu váng cả lên, thả xuống năm sáu hạt (2). Ít lâu sau từ những hạt ấy mọc ra một loại cây dây bò lan xanh um cả bãi, có rất nhiều quả xanh mướt, to bằng đầu người (3). Mai An Tiêm* *trẩy một quả, bổ ra thấy ruột đỏ hồng, hạt đen nhánh (4). Vợ chồng con cái cùng nếm thấy vị ngòn ngọt thanh thanh, Mai reo lên (5):*

*- Ôi đây là thứ dưa lạ, chưa từng thấy bao giờ (6). Hãy gọi nó là dưa tây, vì thứ dưa này được bầy chim đưa từ phương tây lại từ đất liền ra cho chúng ta (7). Trời nuôi sống chúng ta rồi (8)*

Nguyễn Đồng Chí. Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam, tập 1, NXB Khoa học xã hội, 1976, tr.8*)*

**Câu 1**: Đoạn trích trên viết theo thể loại nào?

| A. Truyện cổ tích. |  B. Truyện đồng thoại. |
| --- | --- |
| C. Truyện truyền thuyết. |  D.Truyện cười. |

**Câu 2:** Đoạn trích trên sử dụng ngôi kể nào?

| A . Ngôi thứ nhất |  B. Ngôi thứ hai |
| --- | --- |
| C. Ngôi thứ ba |  D. Cả ngôi thứ nhất với ngôi thứ 3 |

**Câu 3:** Nhân vật chính trong đoạn trích trên là ai?

| A. Người vợ  |  B. Mai AnTiêm |
| --- | --- |
| C. Người con |  D. Đàn chim |

**Câu 4:** Nghĩa của từ “ngòn ngọt” là:

| A. vị ngọt, nhưng có mức độ nhạt hơn so với ngọt |  B. Vị ngọt nhưng pha chút của vị mặn |
| --- | --- |
| C. Vị ngọt , nhưng có mức độ ngọt đậm |  D.Vị nhạt, xem lẫn chút vị ngọt |

**Câu 5:** Xác định biện pháp tu từ trong câu 3.

A.Nhân hóa B. Điệp ngữ

C.So sánh D. Ẩn dụ

**Câu 6:** Đàn chim lớn đã làm gì để giúp đỡ Mai AnTiêm?

| A. Mang những hạt thóc đến |  B. Mang hạt dưa lạ đến |
| --- | --- |
| C. Hát để Mai An Tiêm vui |  D. Động viên, an ủi Mai AnTiêm |

**Câu 7:** Trong câu (1), “một đàn chim lớn” là:

| A. cụm danh từ  |  B. cụm động từ |
| --- | --- |
| C. cụm tính từ | D. vừa là cụm danh từ vừa là cụm động từ |

**Câu 8:**  Theo suy luận của em, chi tiết nào trong đoạn trích cho biết về đặc điểm của giống dưa hấu khiến các nhân vật trong truyện phải tò mò?

A. Một đàn chim lớn bay từ phương tây lại, đậu đen ngòm cả một bãi cát (1). Rồi chúng bay đến trước mặt hai vợ chồng kêu váng cả lên, thả xuống năm sáu hạt

B. Vợ chồng con cái cùng nếm thấy vị ngòn ngọt thanh thanh

C. Mai An Tiêm trẩy một quả, bổ ra thấy ruột đỏ hồng, hạt đen nhánh

D. Cây thân dây; mọc trên cát biển; có quả lớn, vỏ màu xanh mướt, ruột đỏ hồng, hạt đen nhánh, ăn thấy có vị ngòn ngọt, thanh thanh

**Câu 9:** Từ những gì được gợi lên trong đoạn trích, em suy nghĩ như thế nào về mới quan hệ giữa con người và thiên nhiên?

**II. Tập làm văn: (5.0 điểm)**

Em học xong câu chuyện truyền thuyết Sơn Tinh Thủy Tinh, em hãy [đóng vai Sơn Tinh](https://download.vn/dong-vai-son-tinh-ke-lai-truyen-son-tinh-thuy-tinh-41705) kể lại câu chuyện đó.

**Bài làm**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….............

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 6**

| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| --- | --- | --- | --- |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **5,0** |
|  | **1** | C | 0,5 |
| **2** | C | 0,5 |
| **3** | **B** | 0,5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | C | 0,5 |
| **6** | B | 0,5 |
| **7** | A | 0,5 |
| **8** | D | 0,5 |
|  |  |  |  |
|  | **9** | - Đoạn trích có thể đưa đến ý nghĩ: Giữa con người và thiên nhiên có mối quan hệ thân thuộc, gắn bó. Thiên nhiên bao bọc con người, luôn dành cho con người nhiều cơ hội tốt đẹp để cải thiện cuộc sống.-Cuộc sống vốn chứa đựng rất nhiều điều kì lạ, nhưng những điều ấy chỉ thực sự đến với ai không ngừng vươn tới và biết cách nâng niu, đón nhận nó. Có thể xem điều kì lạ là món quà được dành để tặng riêng cho những người xứng đáng. | 0,50,5 |
| **II** |  | **VIẾT** | **5,0** |
| **Mở bài** |  Đóng vai nhân vật Sơn Tinh để tự giới thiệu sơ lược về mình và câu chuyện Sơn Tinh, Thủy Tinh | 1,0 |
| **Thân bài** | - Kể về lý do của câu chuyện: vua Hùng thứ mười tám kén chồng cho công chúa Mị Nương, nên tôi (Sơn Tinh) đã tới cầu hôn.- Kể về diễn biến sự việc tranh giành Mị Nương với Thủy Tinh:+ Vua tổ chức cuộc thi tài kén rể+ Khi tôi và Thủy Tinh cùng đến cầu hôn, một người ở vùng non cao, một người ở vùng biển, ngang sức ngang tài.+ Nhà vua ưng ý cả hai người nhưng không biết chọn ai nên truyền mời chư hầu vào bàn bạc.+ Vua đưa ra yêu cầu: nếu ai đem được sính lễ cầu hôn theo yêu cầu tới trước thì sẽ gả con gái cho. Tôi mang đầy đủ lễ vật đến trước và rước Mị Nương về.+ Thủy Tinh căm phẫn, không phục nên dâng nước đuổi đánh tôi khiến kinh thành Phong Châu ngập trong biển nước, nhưng cuối cùng hắn cũng không thể thay đổi được kết cục. | 2,5 |
|  **Kết bài**: | Kết thúc câu chuyện và nêu bài học được rút ra từ câu chuyện | 1,0 |
|  | **III. Các tiêu chí khác cho nội dung phần II viết bài văn:** 0,5 điểm | 0,5 |
|  | -Trình bày sạch, bố cục rõ ràng, diễn đạt lưu loát, ít mắc các lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu, diễn đạt.-Sử dụng ngôn ngữ kể chuyện ngôi thứ nhất, tuy nhiên em có thể chọn những từ ngữ khác nhau để chỉ ngôi thứ nhất: ta, tôi, mình, tớ,... phù hợp với địa vị, giới tính,.. của nhân vật em đóng vai cũng như bối cảnh kể | 0,250,25 |